

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục thuốc cho các Trạm Y tế trên địa bàn huyện Cư Jút theo hướng dẫn tại Quyết định số 1300/QĐ-BYT

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Quyết định số 1300/2023/QĐ-BYT ngày 9/3/2023 của Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư 39/2017/TT-BYT ngày 18/10/2017 của Bộ Y tế quy định gói dịch vụ y tế cơ bản cho tuyến y tế cơ sở; Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hoá dược, sinh phẩm, thuốc phòng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 2/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đắk Nông;

Xét đề nghị của Trung tâm Y tế huyện Cư Jút tại công văn số 412/TTYT-DTTB ngày 13/9/2023 về việc phê duyệt danh mục thuốc theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 9/3/2023;

Theo đề nghị của Ông Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục thuốc cho các Trạm Y tế trên địa bàn huyện Cư Jút theo hướng dẫn tại Quyết định số 1300/QĐ-BYT (có phụ lục đính kèm).

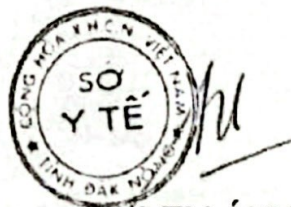
Điều 2. TTYT huyện Cư Jút có trách nhiệm hướng dẫn các Trạm Y tế trong việc sử dụng, thanh quyết toán các thuốc đúng theo quy định.

Điều 3. Các ông Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Cư Jút, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Sở Y tế;
- BHXH tỉnh, huyện/phối hợp;
- Lưu VT, NVYD, Thư.

GIÁM ĐỐC



Võ Thị Ái Liễu



**DANH MỤC THUỐC SỬ DỤNG TẠI CÁC TRẠM Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
CƯ JÚT**

Ban hành kèm theo Quyết định số: 887/QĐ-SYT ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Sở Y tế

I. DANH MỤC THUỐC THUỘC GÓI DỊCH VỤ Y TẾ CƠ BẢN

TT	TÊN THUỐC	ĐƯỜNG DÙNG, DẠNG DÙNG	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)
1. THUỐC GÂY Mê, Tê và OXY được dùng			
1	Atropin sulfat	Tiêm	
2	Lidocain (hydroclorid)	Tiêm	
3	Oxy được dùng	Đường hô hấp	
2. THUỐC GIẢM ĐAU, CHĂM SÓC GIẢM NHẸ; THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH GÚT			
2.1. Thuốc giảm đau			
4	Meloxicam	Uống	
5	Paracetamol	Uống, đặt	
2.2. Thuốc chăm sóc giảm nhẹ			
6	Amitriptylin	Uống	
2.3. Thuốc điều trị bệnh gút			
7	Allopurinol	Uống	
8	Colchicin	Uống	
3. THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG VÀ DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ MÃN			
9	Epinephrin (adrenalin)	Tiêm	
10	Alimemazin	Uống	
11	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	Uống	
12	Loratadin	Uống	
13	Methyl prednisolon	Tiêm	
14	Prednisolon	Uống	
4. THUỐC GIẢI ĐỘC VÀ THUỐC DÙNG TRONG TRƯỜNG HỢP NGỘ ĐỘC			
15	Acetylcystein	Tiêm, uống	
16	Atropin (sulfat)	Tiêm	
17	Than hoạt	Uống	

a. Chống mất nước			
64	Natri clorid + natri citrat + kali clorid + glucose khan	Uống	
b. Chống tiêu chảy			
65	Kẽm sulfat	Uống	
15.6. Thuốc khác			
16. HOCMON VÀ CÁC THUỐC TÁC ĐỘNG VÀO HỆ THỐNG NỘI TIẾT			
16.1. Hocmon thượng thận và những chất tổng hợp thay thế			
16.2. Thuốc hạ đường huyết			
66	Gliclazid	Uống	
67	Metformin	Uống	
17. HUYẾT THANH			
68	Huyết thanh kháng uốn ván	Tiêm	
18. THUỐC DÙNG CHO MẮT, TAI, MŨI, HỌNG			
18.1. Thuốc chống nhiễm khuẩn, kháng vi rút			
69	Gentamicin (sulfat)	Nhỏ mắt	
18.2. Thuốc làm giãn đồng tử			
18.3. Thuốc tai, mũi, họng			
70	Nước oxy già	Dùng ngoài	
19. THUỐC CÓ TÁC DỤNG THỨC Ễ, CẢM MÁU SAU Ễ VÀ CHỐNG Ễ NON			
19.1. Thuốc thúc ễ, cảm máu sau ễ			
19.1.1. Thuốc thúc ễ			
71	Oxytocin	Tiêm	
19.1.2. Thuốc cảm máu sau ễ			
72	Oxytocin	Tiêm	
19.2. Thuốc chống ễ non			
73	Papaverin	Uống	
20. THUỐC CHỐNG RỐI LOẠN TÂM THẦN			
20.1. Thuốc chống loạn thần			

24.1 Nhóm thuốc thanh nhiệt, giải độc, tiêu ban, lợi thủy			
94	Diệp hạ châu, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực.	Uống	
95	Hoạt thạch, Cam thảo	Uống	
96	Kim ngân hoa, Nhân trần, Thương nhĩ tử, Nghệ, Sinh địa, Bồ công anh, Cam thảo.	Uống	
97	Kim tiền thảo, Chi thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Bình lang, Mộc hương, Đại hoàng.	Uống	
98	Kim tiền thảo, râu ngô/râu mèo	Uống	
24.2 Nhóm thuốc khu phong trừ thấp			
99	Cao xương hổ hợp/Cao quy bản, Hoàng bá, Tri mẫu, Trần bì, Bạch thược, Can khương, Thục địa.	Uống	
100	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm, Đương quy, Xuyên khung.	Uống	
101	Độc hoạt, Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa, Đỗ trọng, Nhân sâm, Ngưu tất, Phục linh, Cam thảo	Uống	
102	Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thổ phục linh.	Uống	
103	Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngưu gia bì, Tam thất	Uống	
104	Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện.	Uống	
24.3 Nhóm thuốc nhuận tràng, tả hạ, tiêu thực, bình vị, kiện tì			
105	Bạch truật, Đảng sâm, Liên nhục, Cát cánh, Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha, Long nhãn, Sứ quân tử, Bán hạ.	Uống	
106	Kha tử, Mộc hương, Hoàng liên, Bạch truật, Cam thảo, Bạch thược.	Uống	
107	Lá khôi, Ô tặc cốt, Khổ sâm, Dạ cẩm, Cỏ hàn the	Uống	
108	Cao khô trình nữ hoàng cung	Uống	
24.4 Nhóm thuốc an thần, định chí, dưỡng tâm			
109	Đinh lăng, Bạch quả	Uống	
110	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa.	Uống	
111	Cao khô Đương quy, Cao khô bạch quả	Uống	
112	Lá sen, Lá vông, Lạc tiên, Tâm sen, Bình vôi	Uống	
113	Thỏ ty tử, Hà thủ ô đỏ, Dây đau xương, Cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sô khô	Uống	
24.5 Nhóm thuốc chữa các bệnh về phế			
114	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Mạch môn, Bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà	Uống	
115	Húng chanh, núc nác, cineol	Uống	

52	Nifedipin	Uống	
10.4. Thuốc điều trị hạ huyết áp			
10.5. Thuốc điều trị suy tim			
53	Enalapril		
10.6. Thuốc chống huyết khối			
54	Acetylsalicylic acid	Uống	
10.7. Thuốc hạ lipid máu			
11. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH DA LIỄU			
11.1. Thuốc chống nấm			
55	Ketoconazol	Dùng ngoài	
11.2. Thuốc chống nhiễm khuẩn			
56	Povidon iod	Dùng ngoài	
11.3. Thuốc chống viêm, ngứa			
11.4. Thuốc có tác dụng làm tiêu sừng			
11.5. Thuốc trị ghẻ			
12. THUỐC DỪNG CHẨN ĐOÁN			
13. THUỐC TÁY TRÙNG VÀ SÁT KHUẨN			
57	Cồn 70 độ	Dùng ngoài	
58	Povidon iod	Dùng ngoài	
14. THUỐC LỢI TIỂU			
15. THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA			
15.1. Thuốc trung hòa acid và các thuốc ức chế bài tiết acid			
59	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	Uống	
60	Omeprazol	Uống	
15.2. Thuốc chống nôn			
15.3. Thuốc chống co thắt			
61	Atropin (sulfat)	Uống, tiêm	
62	Hyoscin butylbromid	Uống	
63	Papaverin hydroclorid	Uống, tiêm	
15.4. Thuốc tẩy, nhuận tràng			
15.5. Thuốc tiêu chảy			

35	Rifampicin	Uống	
36	Rifampicin + isoniazid	Uống	
37	Streptomycin	Tiêm	
38	Isoniazid + pyrazinamid + rifampicin	Uống	
6.4. Thuốc chống nấm			
39	Clotrimazol	Đặt âm đạo, dùng ngoài	
40	Nystatin	Uống, đặt âm đạo	
6.5. Thuốc điều trị bệnh do amip			
41	Metronidazol	Uống	
6.6. Thuốc điều trị bệnh sốt rét			
42	Cloroquin	Uống	
43	Primaquin	Uống	
44	Quinin	Uống	
6.7. Thuốc chống virus			
45	Aciclovir	Uống, dùng ngoài	
7. THUỐC ĐIỀU TRỊ ĐAU NỬA ĐẦU			
46	Paracetamol	Uống	
8. THUỐC CHỐNG PARKINSON			
9. THUỐC TÁC DỤNG ĐỐI VỚI MÁU			
9.1. Thuốc chống thiếu máu			
47	Sắt sulfat + folic acid	Uống	
9.2. Thuốc tác dụng lên quá trình đông máu			
48	Phytomenadion (vitamin K1)	Uống, tiêm	
9.3. Dung dịch cao phân tử			
10. THUỐC TIM MẠCH			
10.1. Thuốc chống đau thắt ngực			
10.2. Thuốc chống loạn nhịp			
10.3. Thuốc điều trị tăng huyết áp			
49	Amlodipin	Uống	
50	Captopril	Uống	
51	Enalapril	Uống	

116	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh/Phục linh, Cam thảo, Hoàng cầm, (Cineol/Menthol).	Uống	
117	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh/Phục linh, Cam thảo, Hoàng cầm,	Uống	
24.6 Nhóm thuốc chữa các bệnh về Âm, về Huyết			
118	Bột chiết bèo hoa dâu	Uống	
119	Hoàng kỳ, Dương quy, Kỳ tử	Uống	
24.7 Nhóm thuốc điều kinh, an thai			
120	Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu	Uống	
24.8 Nhóm thuốc chữa bệnh về ngũ quan			
121	Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor	Uống	
122	Tân di hoa, Thăng ma, Xuyên khung, Bạch chỉ, Cam thảo	Uống	
123	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chỉ, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch trạch, Bạc hà	Uống	
24.9 Nhóm thuốc dùng ngoài			
124	Lá xoài	Dùng ngoài	
125	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục, Thiên niên kiện, Uy Linh tiên, Mã tiền, Huyết giác, Xuyên khung, Methyl salicylat, Tề tân	Dùng ngoài	
Tổng khoản: 125 khoản			

DANH MỤC TỦ SÁCH CHUYÊN MÔN

STT	NỘI DUNG
1	Cấp cứu nội khoa
2	Sản phụ khoa
3	bệnh ngoại khoa
4	Bệnh nhi khoa
5	Bệnh nội khoa
6	Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản
7	Siêu âm bụng tổng quát
8	Thực hành sản phụ khoa
9	Quản lí và nâng cao nghiệp vụ cb,công chức ngành y tế
10	Luật khám chữa bệnh và quy định mới
11	Luật khám chữa bệnh
12	Qui định pháp luật,quản lí và nâng cao nghiệp vụ cán bộ công chức
13	Hướng dẫn thực hiện chương trình chống lao quốc gia
14	Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe
15	Dược thư quốc gia
16	Bệnh học ngoại khoa
17	Phòng chống bệnh truyền nhiễm
18	Quy chế điều tra ngộ độc thực phẩm
19	Giải phẫu người
20	Phòng chống sốt rét
21	Sử trí tăng huyết áp
22	Thông tư liên tịch

5. THUỐC CHỐNG CO GIẬT, CHỐNG ĐỘNG KINH			
18	Valproat natri	Uống	
19	Phenobarbital	Uống, tiêm	
6. THUỐC TRỊ KÝ SINH TRÙNG, CHỐNG NHIỄM KHUẨN			
6.1. Thuốc trị giun, sán			
20	Albendazol	Uống	
21	Mebendazol	Uống	
6.2. Thuốc chống nhiễm khuẩn			
6.2.1. Thuốc nhóm beta-lactam			
22	Amoxicilin	Uống	
23	Amoxicilin + acid clavulanic	Uống	
24	Cefalexin	Uống	
25	Cefuroxim	Uống	
26	Phenoxy methylpenicilin	Uống	
6.2.2. Thuốc nhóm aminoglycosid			
27	Gentamicin	Tiêm	
6.2.3. Thuốc nhóm chloramphenicol			
6.2.4. Thuốc nhóm nitroimidazol			
28	Metronidazol	Uống, đặt	
6.2.5. Thuốc nhóm lincosamid			
6.2.6. Thuốc nhóm macrolid			
29	Erythromycin	Uống	
6.2.7. Thuốc nhóm quinolon			
30	Ciprofloxacin	Uống	
6.2.8. Thuốc nhóm sulfamid			
31	Sulfamethoxazol + trimethoprim	Uống	
6.2.9. Thuốc nhóm nitrofurantoin			
6.2.10. Thuốc nhóm tetracyclin			
6.3. Thuốc chữa bệnh lao			
32	Ethambutol	Uống	
33	Isoniazid	Uống	
34	Pyrazinamid	Uống	

74	Clorpromazin (hydroclorid)	Uống	
75	Haloperidol	Uống	
20.2. Thuốc chống trầm cảm			
76	Amitriptylin (hydroclorid)	Uống	
21. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP			
21.1. Thuốc chữa hen và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính			
77	Epinephrin (adrenalin)	Tiêm	
78	Salbutamol (sulfat)	Uống, đường hô hấp	
21.2. Thuốc chữa rối loạn tiết dịch			
79	Acetylcystein	Uống, tiêm	
80	Alimemazin	Uống	
81	Bromhexin (hydroclorid)	Uống	
21.3. Thuốc khác			
82	Dextromethorphan	Uống	
22. DUNG DỊCH ĐIỀU CHỈNH NƯỚC ĐIỆN GIẢI VÀ CÂN BẰNG ACID-BASE			
22.1. Thuốc uống			
83	Natri clorid + natri citrat + kali clorid + glucose khan	Uống	
22.2. Thuốc tiêm truyền			
84	Glucose	Tiêm	
85	Ringer lactat	Tiêm truyền	
86	Natri clorid	Tiêm	
22.3. Thuốc khác			
87	Nước cất pha tiêm	Tiêm	
23. VITAMIN VÀ CÁC CHẤT VÔ CƠ			
88	Vitamin A	Uống	
89	Vitamin A + D	Uống	
90	Vitamin B1	Uống, tiêm	
91	Vitamin B6	Uống	
92	Vitamin C	Uống	
93	Vitamin PP	Uống	
24. THUỐC CHẾ PHẨM ĐÔNG Y			